TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1089/2020/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 23 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 942/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Mai Thị H, sinh năm 1985

Thường trú: thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú: khu phố A, phường T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Lê Tiến H1, sinh năm 1983

Thường trú: thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai

Tạm trú: khu phố A, phường T1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số B, quyển số 02/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp .

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/10/2020, bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thị Như Q sinh ngày 27/7/2007, Lê Thị Mỹ H2 sinh ngày 10/11/2011 và Lê Thị Diệu N sinh ngày 07/02/2020. Bà Mai Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, ông Lê Tiến H1 cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Như Q mỗi tháng 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung Lê Thị Như Q đủ 18 tuổi. Ông Lê Tiến H1 không cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Mỹ H2 và Lê Thị Diệu N.

- Về tài sản chung: Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: có 03 con chung tên Lê Thị Như Q sinh ngày 27/7/2007, Lê Thị Mỹ H2 sinh ngày 10/11/2011 và Lê Thị Diệu N sinh ngày 07/02/2020. Bà Mai Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, ông Lê Tiến H1 cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Như Q mỗi tháng 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng vào ngày 12 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung Lê Thị Như Q đủ 18 tuổi. Ông Lê Tiến H1 không cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Mỹ H2 và Lê Thị Diệu N.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà Mai Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Tiến H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu

thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3 Về tài sản chung: Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 xác định không có.

1.4 Về nợ chung: Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 xác định không có.

1.5 Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0057771 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thủ Đức. Bà Mai Thị H và ông Lê Tiến H1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thuỷ